

THÁNG 02 NĂM 2009

A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: 1.000 Đồng

NỘI DUNG		Số dư cuối tháng	Số dư đầu tháng
I	Tài sản ngắn hạn	465,828,152	490,307,402
	<i>Trong đó:</i>		
-	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	17,503,869	13,913,809
-	Các khoản phải thu ngắn hạn	207,323,961	162,536,014
-	Hàng tồn kho (*)	68,909,738	60,364,257
II	Tài sản dài hạn	201,997,666	201,997,666
	<i>Trong đó:</i>		
-	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65,682,243	65,682,243
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	667,825,818	692,305,069
IV	Nợ phải trả	402,291,154	429,734,591
	<i>Trong đó:</i>		
-	Nợ ngắn hạn	495,880,747	429,734,591
	<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	<i>138,748,314</i>	<i>104,978,553</i>
V	Nguồn vốn Chủ sở hữu	265,534,664	262,570,478
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	667,825,818	692,305,069

B. KẾT QUẢ KINH DOANH

Đơn vị tính: 1.000 Đồng

CHỈ TIÊU		Phát sinh tháng	Lũy kế
1	Doanh thu thuần (**)	223,529,889	407,666,133
2	Giá vốn hàng bán	214,628,470	390,958,108
3	Lợi nhuận sau thuế	2,964,186	6,033,908

Ghi chú:

*	Sản lượng tiêu thụ tương đương:	Tấn	20,763.69	38,816.13
**	Hàng tồn kho	Tấn	6,666.50	